

TỔNG CÔNG CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN

Số: 3.006
Giờ: Ngày 2 tháng 12 năm 2011

BẢN GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH
QUÍ IV NĂM 2011

Theo báo cáo kết quả kinh doanh quý 4 năm 2011 của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của quý IV năm 2011 như sau:

I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2011	Quý IV năm 2010	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	145,492,064,454	123,489,612,015	22,002,452,439	117.82%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	145,492,064,454	123,489,612,015	22,002,452,439	117.82%

b. Thuyết minh:

- Sản lượng nước cung cấp quý 4 năm 2011 tăng so với quý 4 năm 2010 là 1.176.492 m³, tỷ lệ 107%
- Giá nước tăng 10% vào tháng 02/2011 theo quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12/2009 của UBNDTP
- Giá bán bình quân quý 4 năm 2011 tăng so với quý 4 năm 2010 là 591.33 đồng/m³, tỷ lệ tăng 108.6%

II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2011	Quý IV năm 2010	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Giá vốn hàng bán	133,106,809,076	113,459,522,286	19,647,286,790	117.32%
Cộng	133,106,809,076	113,459,522,286	19,647,286,790	117.32%

Trong đó chi tiết giá vốn :

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2011	Quý IV năm 2010	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	80,367,159,457	63,563,597,081	16,803,562,376	126.44%
Chi nhân công trực tiếp	10,895,139,003	12,047,357,709	(1,152,218,706)	90.44%
Chi phí sản xuất chung	41,844,510,616	37,848,567,496	3,995,943,120	110.56%
Tổng chi phí sản xuất	133,106,809,076	113,459,522,286	19,647,286,790	117.32%
Tổng giá thành sản xuất	133,106,809,076	113,459,522,286	19,647,286,790	117.32%
Giá vốn đã cung cấp	133,106,809,076	113,459,522,286	19,647,286,790	117.32%

b. Thuyết minh

Giá vốn cung cấp trong quý 4 năm 2011 so với quý 4 năm 2010 tăng 19.647.286.790 đồng, tỷ lệ 117.32% do :

- Sản lượng nước quý 4 năm 2011 tăng so với quý 4 năm 2010 là 1.176.492 m³, tỷ lệ 107%
- Giá vốn bình quân theo hợp đồng mua si nước sạch quý 4 năm 2011 tăng so với quý 4 năm 2010:

Tăng do giá mua bán si nước sạch tạm tính là 66.67 đồng/m³, tỷ lệ tăng 101.23%



Tăng do điều chỉnh hợp đồng mua si nước sạch làm cho giá vốn mua si nước sạch quý 4/2011 tăng so với quý 4 năm 2010 là 12.817.733.881 đồng.

3. Chi phí nhân công trực tiếp quý 4/2011 giảm so với quý 4/2010 là 1.152.218.706 đồng, tỷ lệ 90.44% do trong quý 4/2011 điều chỉnh tăng đơn giá tiền lương, trong năm 2010 điều chỉnh tăng đơn giá tiền lương vào quý 3/2010

4. Chi phí sản xuất chung quý 4/2011 tăng so với quý 4 năm 2010 là 3.995.943.120 đồng, tỷ lệ tăng 110.56% chủ yếu là tăng chi phí phục vụ cho công tác gắn mới, dời, bồi thường ĐHN

III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2011	Quý IV năm 2010	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	3,147,706,051	3,103,547,645	44,158,406	101.42%
Chi phí công cụ dụng cụ	627,507,349	278,703,207	348,804,142	225.15%
Chi phí khấu hao	258,536,692	240,845,015	17,691,677	107.35%
Dự Phòng phải thu khó đòi	535,348,620	124,081,975	411,266,645	431.45%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	(2,493,281,213)	1,594,306,719	(4,087,587,932)	-156.39%
Cộng	2,075,817,499	5,341,484,561	(3,265,667,062)	38.86%

b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng quý 4 năm 2011 giảm so với quý 4 năm 2010 là 3.265.667.062 đồng, tỷ lệ giảm 61.14% do:

- Chi phí công cụ dụng cụ tăng 348.804.142 đồng, tỷ lệ tăng 225.15%
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi quý 4/2011 tăng so với quý 4/2010 là 411.266.645 đồng, tỷ lệ 431.45%
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác giảm 4.087.587.932 đồng, tỷ lệ -156.39% do:

Trong quý 4/2011 điều chỉnh giảm chi phí sửa chữa nhà làm việc, chi phí này đã hạch toán vào chi phí của quý 3/2011 với số tiền là 3.627.157.670 đồng do khoản chi phí này không đủ điều kiện để hạch toán chi phí.

IV. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2011	Quý IV năm 2010	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Tiền gửi có kỳ hạn	3,638,255,441	2,946,868,839	691,386,602	123.46%
Tiền gửi không kỳ hạn	122,747,176	107,590,322	15,156,854	114.09%
Cộng	3,761,002,617	3,054,459,161	691,386,602	123.13%

b. Thuyết minh:

Doanh thu hoạt động tài chính của quý 4 năm 2011 tăng so với quý 4 năm 2010 là 691.386.602 đồng, tỷ lệ 123.13% do lượng tiền gửi có kỳ hạn đến kỳ đáo hạn tăng và lãi suất tiền gửi có kỳ hạn bình quân của quý 4/2011 tăng so với quý 4/2010.

V. THU NHẬP KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2011	Quý IV năm 2010	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Thu hồ sơ mời thầu	8,909,091	12,727,274	(3,818,183)	70.00%
Thu tiền KH đầu tư ống cái	(440,973)	1,016,060,644	(1,016,501,617)	-0.04%
Thu tiền phạt	31,849,072	82,806,335	(50,957,263)	38.46%
Thu khác	74,347,275	63,032,619	11,314,656	117.95%
Cộng	114,664,465	1,174,626,872	(1,059,962,407)	9.76%

b. Thuyết minh:



Thu nhập khác của quý 4/2011 giảm so với quý 4/2010 là 1.059.962.407 đồng, tỷ lệ giảm 90.24% chủ yếu do: quý 4/2010 lượng tiền thu được của khách hàng đầu tư ồng cái không hoàn vốn thấp hơn so với quý 4/2010 là 1.016.501.617 đồng, tỷ lệ giảm 100.04%

VI. CHI PHÍ KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2011	Quý IV năm 2010	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Cập nhật công trình ngầm	15,033,950	20,720,000	(5,686,050)	72.56%
Đăng báo mời thầu	5,181,818	17,405,818	(12,224,000)	29.77%
Lập dự phòng		378,242,492	(378,242,492)	0.00%
Khác	(22,271,242)	436,971,835	(459,243,077)	-5.10%
Cộng	(2,055,474)	853,340,145	(855,395,619)	-0.24%

b. Thuyết minh:

Chi phí khác của quý 4/2011 giảm so với quý 4/2010 là 855.395.619 đồng, tỷ lệ 100.24% chủ yếu do: quý 4/2010 lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100% là 378.242.492 đồng, bên cạnh đó quý 4/2010 phát sinh khoản chi phí phát sinh từ giai đoạn chuyển thể là 303.394.545 đồng làm cho các khoản chi khác của quý 4/2010 tăng lên so với quý 4/2011 là 459.243.077 đồng, tỷ lệ giảm 105.10%

VII. LỢI NHUẬN:

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2011	Quý IV năm 2010	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	11,329,145,277	5,436,380,300	5,892,764,977	208.40%
Thuế TNDN	1,696,160,835	1,323,605,928	372,554,907	128.15%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	9,632,984,442	4,112,774,372	5,520,210,070	234.22%

b. Thuyết minh:

Qua phân tích các chi tiêu doanh thu - chi phí nêu trên thì lợi nhuận trước thuế của quý 4 năm 2011 tăng so với lợi nhuận của quý 4 năm 2010 là 5.892.764.977 đồng, tương ứng tỷ lệ 208.4%, lợi nhuận sau thuế tăng 5.520.210.070 đồng, tương ứng tỷ lệ 234.22%

Người lập Báo cáo

Kế toán trưởng



Lại Thị Thu

Quận 5, ngày 31 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN



Giám Đốc

Phạm Mạnh Đức